



A. CẤU TRÚC ĐỀ

I. Đọc hiểu (6,0 điểm): 5 câu hỏi; ngữ liệu đọc hiểu: Văn bản truyện hoặc văn bản thông tin.

II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 400 chữ) về vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học hoặc Viết bài thuyết minh tổng hợp.

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phần đọc hiểu

1. Đọc hiểu văn bản truyện

a) Một số đặc điểm của truyện

* **Truyện ngắn hiện đại** là thể loại tự sự cỡ nhỏ. Với quy mô hạn chế, số lượng nhân vật và sự kiện ít, truyện ngắn chỉ tập trung miêu tả một khía cạnh hoặc một trạng thái cụ thể của đời sống xã hội. Cốt truyện thường đơn giản, cô đúc, tập trung xoay quanh một tình huống.

* **Nhân vật:** nhân vật là linh hồn của tác phẩm, là người phát ngôn cho tư tưởng của nhà văn. Nhân vật phải được đặt trong một hoàn cảnh cụ thể, vừa mang tính chung phổ quát vừa mang tính riêng độc đáo.

* **Người kể chuyện**

- Người kể chuyện hạn tri (ngôi kể thứ nhất): thường trực tiếp tham dự hoặc chứng kiến các sự việc xảy ra trong chuyện.

- Người kể chuyện toàn tri (ngôi kể thứ 3): không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng, biết hết tất cả mọi việc.

* **Sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật**

- Trong truyện ngắn, lời người kể chuyện nhằm giới thiệu, miêu tả nhân vật, bối cảnh; bình luận, dẫn dắt truyện, tạo thành giọng chủ đạo của truyện.

- Lời nhân vật là phương tiện bộc lộ ý nghĩ, tâm trạng, cá tính của nhân vật trong từng tình huống cụ thể, góp phần thể hiện phẩm chất, tính cách của nhân vật.

- Lời nhân vật thường có sự phối hợp hài hòa với lời người kể chuyện. Tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn và phần nào thể hiện được phong cách của nhà văn.

* **Sự thay đổi điểm nhìn:** điểm nhìn có thể được chuyển từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác.

=> **Tác dụng:** giúp đi sâu vào nội tâm nhân vật, mở rộng khả năng bao quát, nhận xét, đánh giá của người trần thuật. Tạo cho tác phẩm nhiều giọng điệu đan xen lẫn nhau, làm nên sức hấp dẫn đối với người đọc.

* **Chủ đề** là vấn đề cơ bản đặt ra trong văn bản. Chủ đề chính là chủ đề quán xuyến toàn bộ tác phẩm. Chủ đề phụ là chủ đề thể hiện qua các nhân vật hoặc tình tiết riêng.

* **Giá trị văn hóa trong truyện:** Mỗi tác phẩm văn học là sản phẩm của một nền văn hóa, phản ánh giá trị văn hóa cộng đồng nơi tác phẩm sinh thành.

* **Triết lý nhân sinh** trong văn học là quan niệm và sự lí giải của nhà văn về các vấn đề chung liên quan đến cuộc sống, số phận con người, sự tồn tại phát triển của xã hội.

b) Yêu cầu cần đạt về đọc – hiểu văn bản truyện ngắn

*** Đọc hiểu nội dung**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản.

*** Đọc hiểu hình thức**

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

*** Liên hệ, so sánh, kết nối**

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Phân tích ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

c) Định hướng trả lời câu hỏi đọc – hiểu văn bản truyện

*** Câu hỏi nhận biết**

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Xác định điểm nhìn trần thuật	- Bước 1: Xác định cách xưng hô của người kể chuyện. + Xưng “tôi”: điểm nhìn ngôi kể thứ nhất. + Không xưng “tôi”: điểm nhìn ngôi kể thứ ba. - Bước 2: Xác định mức độ tham gia vào câu chuyện của người kể chuyện. + Không tham gia và đứng bên ngoài quan sát: điểm nhìn toàn tri. + Có tham gia nhưng chỉ biết một phần câu chuyện: điểm nhìn hạn tri. - Bước 3: Kết luận

		+ Nếu người kể chuyện xưng “tôi”, có tham gia nhưng chỉ biết một phần câu chuyện: điểm nhìn ngôi kể thứ nhất, hạn tri + Nếu người kể chuyện không xưng “tôi”, không tham gia và đứng bên ngoài quan sát, biết hết câu chuyện: điểm nhìn ngôi kể thứ ba, toàn tri.
2	Xác định sự thay đổi điểm nhìn trần thuật	- Bước 1: Xác định sự vật, sự việc, tâm tư tình cảm nhân vật được quan sát bởi ai. + Điểm nhìn của người kể chuyện (lời kể, tả bên ngoài). + Điểm nhìn nhân vật (qua lời nửa trực tiếp hoặc độc thoại nội tâm) - Bước 2: Kết luận. + Không có sự thay đổi điểm nhìn trần thuật. + Có sự thay đổi điểm nhìn trần thuật (từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác)
3	Xác định nhân vật chính	- Bước 1: Xác định tất cả các nhân vật trong nhân vật. - Bước 2: Nhận diện được những dấu hiệu của nhân vật chính/ nhân vật trung tâm. + Tần suất xuất hiện: Xuất hiện xuyên suốt. + Được tác giả khắc họa trên nhiều phương diện: từ ngoại hình, nội tâm, quá trình phát triển tính cách của nhân vật. + Vai trò: kết nối với các nhân vật khác; góp phần tổ chức và triển khai tác phẩm; thể hiện đề tài, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
4	Xác định ngôi kể	- Ngôi kể thứ nhất, người kể xưng “tôi” thường là nhân vật tham gia vào câu chuyện. - Ngôi kể thứ ba, người kể ẩn danh không xưng “tôi”, không tham gia vào câu chuyện. - Để xác định ngôi kể, học sinh đặt câu hỏi: Ai đang kể chuyện này (xưng “tôi” hay không xưng “tôi”)? Người kể có liên quan và tham gia vào câu chuyện không?
5	Xác định không gian, thời gian	- Xác định không gian: có các loại không gian sau: + Không gian cụ thể. • Không gian rộng: địa điểm, địa danh, khu vực... cụ thể • Không gian hẹp: các nhân vật đang sống, giao tiếp, trao đổi, suy nghĩ trong địa điểm, địa danh, khu vực... + Không gian tâm trạng. - Xác định thời gian: có các loại thời gian sau: + Thời gian cụ thể, tuyến tính: thời điểm nhân vật xuất hiện và thời điểm diễn ra sự kiện. + Thời gian thời đại: bối cảnh thời đại nhân vật sinh sống, hoạt động. + Thời gian lồng ghép, không theo trật tự tuyến tính; thời gian đồng hiện.

6	Xác định các chi tiết tiêu biểu	- Đọc và tìm các chi tiết. Gợi ý: Tìm các từ ngữ chỉ hành động, cử chỉ, lời nói, tiêu biểu tâm trạng, ngoại hình,... của nhân vật. Hoặc từ ngữ chỉ đồ vật, cảnh vật. - Xác định chi tiết tiêu biểu: Chi tiết thỏa mãn các tiêu chí sau: + Góp phần dẫn dắt câu chuyện. + Tô đậm đặc điểm, tính cách nhân vật. + Tạo sự hấp dẫn. + Nhấn mạnh ý nghĩa câu chuyện. - Kết luận: Ghi lại rõ ràng, chính xác.
7	Xác định đề tài	- Xác định phạm vi đời sống được nói đến trong tác phẩm. + Dựa vào sự kiện được miêu tả: đề tài chiến tranh, đề tài phiêu lưu,... + Dựa vào mối quan hệ giữa các nhân vật: đề tài tình yêu, tình bạn, ... + Dựa vào loại nhân vật đặt ở vị trí trung tâm, dựa vào thân phận, nghề nghiệp, giới tính, hoàn cảnh sống: đề tài trẻ em, đề tài người lính,... + Dựa vào không gian tái hiện: đề tài nông thôn, đề tài thành thị,... + Dựa vào thời gian tái hiện: đề tài trước năm 1945, đề tài kháng chiến chống Pháp, cuộc sống hòa bình sau chiến tranh/hậu chiến, ... - Gọi tên đề tài của tác phẩm. + Cách 1: Phạm vi con người/ mối quan hệ. Ví dụ: Đề tài người phụ nữ; đề tài tình yêu,... + Cách 2: Phạm vi con người+ thời gian/không gian. Ví dụ: Người lính thời hậu chiến.

*** Câu hỏi thông hiểu**

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Xác định chủ đề	- Xác định đề tài: dựa vào lí thuyết đề tài. - Xác định các khía cạnh (vấn đề trọng tâm, hướng nhận thức, lí giải) của đề tài. - Gọi tên chủ đề của tác phẩm. <i>Ví dụ:</i> Tác phẩm <i>Hai đứa trẻ</i> - Thạch Lam. Đề tài: Cuộc sống của người dân phố huyện nghèo. Chủ đề: Cuộc sống quần quanh và khát khao nhỏ bé của người dân phố huyện nghèo trước cách mạng tháng 8.
2	Ý nghĩa của điểm nhìn, ngôi kể	- Ý nghĩa của điểm nhìn bên ngoài/ngôi thứ ba. + Người kể chuyện có khả năng bao quát câu chuyện; có thể lí giải, miêu tả mọi vấn đề, mọi phương diện của nhân vật.

		+ Khiến cho câu chuyện được kể một cách khách quan, dễ hiểu. - Ý nghĩa của điểm nhìn bên trong/ngôi thứ nhất: + Giúp câu chuyện giàu cảm xúc, chân thực, sinh động và có tính thuyết phục cao. + Các biến cố được tái hiện một cách bất ngờ, hấp dẫn, lôi cuốn và kịch tính. + Tâm lí nhân vật được thể hiện đa dạng, phức tạp, sâu sắc.
3	Ý nghĩa của chi tiết nghệ thuật	- Ý nghĩa nội dung: + Chi tiết đó thể hiện điều gì? Góp phần bộc lộ điều gì về nhân vật (ngoại hình, tính cách phẩm chất, vẻ đẹp,...)? + Thể hiện cái nhìn như thế nào của nhà văn về cuộc sống, con người? (lạc quan, tích cực,...) + Mang đến giá trị cho tác phẩm (hiện thực nhân đạo, thẩm mỹ, nhân văn). + Gửi gắm thông điệp/ bài học gì? - Ý nghĩa nghệ thuật: + Giúp cho tác phẩm trở nên sinh động, hấp dẫn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện.
4	Xác định thông điệp	- Xem xét: Dựa vào đề tài, chủ đề, tư tưởng, nội dung văn bản để xác định xem tác giả muốn nhấn nhủ, gửi gắm điều gì đến bạn đọc. - Nêu thông điệp: Nêu thành mệnh đề mang tính triết lí. Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, nên, cần phải. - Lưu ý: không trích nguyên văn từ văn bản, dù câu đó chứa thông điệp.
5	Cảm hứng chủ đạo	- Liệt kê các trạng thái cảm xúc trong văn bản. + Tìm những từ ngữ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc. + Tìm hiểu trạng thái cảm xúc của tác giả qua cách lựa chọn từ ngữ và sử dụng hình ảnh. - Xem xét và kết luận. + Tình cảm, cảm xúc nào mang tính xuyên suốt, bao trùm toàn bài thì đó là cảm hứng chủ đạo. + Gọi tên cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.
6	Nêu ý nghĩa của nhan đề truyện	- Đánh giá về nhan đề. - Nhan đề có gì đặc biệt? (nội dung, hình thức) Ví dụ: ấn tượng, đặc sắc, độc đáo, thú vị.... - Nêu ý nghĩa nhan đề. - Nhan đề cung cấp thông tin hay gợi mở điều gì? Gợi mở nội dung: hình tượng nghệ thuật, tình huống truyện, cảm hứng chủ đạo.... + Gợi mở giá trị của tác phẩm: nhân đạo, hiện thực, nhân văn, thẩm mỹ,...

		+ Có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm? Gợi ý: Nếu nhan đề là một cụm từ/ câu, có thể giải nghĩa các từ khóa sau đó nêu nghĩa tổng quát của cả nhan đề.
7	Ý nghĩa của sự kiện	- Chỉ ra sự kiện trong tác phẩm. - Nêu ý nghĩa của sự kiện trong tác phẩm. Là yếu tố tạo nên tình huống truyện, thúc đẩy mạch truyện. Bộc lộ rõ nét tính cách, phẩm chất của nhân vật và hé mở tư tưởng của tác giả.

*** Câu hỏi vận dụng**

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Đồng tình/ không đồng tình với ý kiến của tác giả	- Bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng không tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần. - Nêu 03 lí lẽ để làm rõ quan điểm của bản thân. - Phản biện (nếu có thể) Cấu trúc trả lời: Tôi đồng ý/ không đồng ý/ đồng ý một phần với ý kiến trên. Bởi... Mặt khác,... Bên cạnh đó,... Tuy nhiên....
2	Nội dung của câu văn sau có ý nghĩa gì với anh/chị?	- Khái quát nội dung của câu nói (1 câu). Gợi ý: Tác giả muốn nói điều gì với bạn đọc? Câu nói mang đến thông tin gì? - Khẳng định câu nói đem lại cho ta những ý nghĩa sâu sắc (nêu 3 ý): về nhận thức, về thái độ, về hành động (giống dạng trên)
3	Nêu thông điệp và lí giải	- Nêu thông điệp (1 câu) <i>Lưu ý:</i> + Nêu thành mệnh đề mang tính triết lí. + Không trích nguyên văn, dù câu đó chứa thông điệp. + Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải. - Lí giải vì sao chọn thông điệp đó (3 lí do): + Thực chất là nêu ý nghĩa với bản thân. + Sử dụng các từ khóa: Khơi dậy, thức tỉnh, cổ vũ khuyến khích, nhắc nhở, truyền cảm hứng, tạo động lực giúp nhận ra,... Cấu trúc trả lời: Thông điệp có ý nghĩa nhất với tôi là:... Bởi/Vì ... Mặt khác,... Ngoài ra,....
4	Từ nội dung đoạn trích, rút ra bài học ý nghĩa đối với bản thân	- Nêu bài học ý nghĩa nhất với bản thân (1 câu). + Có thể nêu bài học về nhận thức hoặc hành động. + Sử dụng các từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải. - Nêu khoảng 03 lí giải về bài học đó. + Nếu làm như vậy sẽ đem lại điều gì? + Nếu không làm như vậy thì sẽ ra sao?

2. Đọc hiểu văn bản thông tin

a) Một số đặc điểm của văn bản thông tin

* **Văn bản thông tin** được viết nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc.

Để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả, văn bản thông tin có thể sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, nhiều cách trình bày (dạng chữ, dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu...), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận...).

* Nhan đề

Nhan đề của văn bản thông tin thường tập trung nêu bật đề tài của văn bản; tức là trả lời cho câu hỏi: “Văn bản viết về vấn đề gì?”. Nhiều khi, nhan đề văn bản thông tin còn thể hiện tư tưởng, thái độ của người viết.

* Bố cục và cách trình bày văn bản thông tin:

- **Bố cục:** nhan đề, sa pô; thời gian và nơi in văn bản; nội dung chính của văn bản.

- **Cách trình bày:** trình bày bằng kênh chữ và có thể kết hợp với kênh hình; kênh chữ có thể có các tiểu mục (có tiêu đề, đánh số thứ tự, trình bày các chữ đậm, nhạt khác nhau); kết thúc văn bản có thể có mục tài liệu tham khảo và các chú thích.

* Thái độ, ý kiến, quan điểm của người viết

Được thể hiện ở nội dung đồng tình hay phản đối, ca ngợi hay phê phán thông qua các yếu tố như nhan đề văn bản, cách trình bày thông tin, việc sử dụng ngôn ngữ,... ý kiến và quan điểm thường mang tính chủ quan. Đó là lí do dẫn đến hiện tượng cùng một dữ liệu, nhưng có thể có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau về dữ liệu.

b) Yêu cầu cần đạt về đọc – hiểu văn bản thông tin

* *Đọc hiểu nội dung*

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

* *Đọc hiểu hình thức*

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

*** Liên hệ, so sánh, kết nối**

Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

c) Định hướng trả lời câu hỏi đọc – hiểu văn bản thông tin

*** Câu hỏi nhận biết**

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Xác định đề tài	- Đặc điểm nhận biết: Dựa vào tiêu đề, phần Sa pô, các từ khóa nhắc đi nhắc lại. - Trả lời: Đề tài của văn bản là....
2	Nhận biết bố cục và cách trình bày thông tin	- Đặc điểm nhận biết: dựa vào hình thức sắp xếp các phần, mục lớn của văn bản. - Trả lời: nhận xét bố cục, cách trình bày.
3	Xác định các yếu tố phi ngôn ngữ	- Đặc điểm nhận biết: hình ảnh, số liệu, bảng biểu,... - Trả lời: văn bản có sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ là.....; dẫn chứng (trích tên hìn hành, số liệu, bảng biểu,...)

*** Câu hỏi thông hiểu**

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản	- Chỉ ra yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản. - Tác dụng + Về nội dung: Hỗ trợ, làm rõ, tăng tính trực quan cho đối tượng nào? + Về nghệ thuật: Truyền đạt thông tin hiệu quả, sinh động, hấp dẫn, sáng tạo. Giúp người đọc dễ hiểu, dễ nắm bắt hơn, làm tăng tính thuyết phục cho các lí lẽ.
2	Nêu nội dung của văn bản	- Văn bản nói về điều gì? + Xác định nội dung của từng phần nhỏ. + Xâu chuỗi các nội dung nhỏ để hợp thành nội dung bao quát. <i>Gợi ý:</i> Dựa vào các đối tượng được nói đến trong văn bản và điều tác giả khắc họa về đối tượng đó. - Tác giả thể hiện thái độ, tình cảm gì? + Tích cực: trân trọng, tự hào, biết ơn,... + Tiêu cực: phê phán, bất bình, phản đối,... - Qua đó nhắn nhủ bạn đọc điều gì? (Sử dụng từ khóa: hãy, đừng, chớ, cần, nên, phải,...) * Lưu ý: - Chú ý vào các từ khóa lặp đi lặp lại trong văn bản, nhan đề, câu chủ đề ở đầu và cuối đoạn. - Chỉ nêu ngắn gọn, tránh việc kể lể lan man thành tóm tắt văn bản.

3	Nêu ý nghĩa của phần Sapo trong văn bản	- Chỉ ra phần Sapo trong văn bản. Là phần giới thiệu ngắn gọn ở sau nhan đề và trước văn bản. - Nêu ý nghĩa: + Khái quát được nội dung chính của văn bản. + Định hướng việc tìm kiếm thông tin, thu hút sự chú ý và quan tâm của người đọc.
4	Rút ra thông điệp/ bài học từ văn bản	Khẳng định văn bản đem đến cho ta những thông điệp/bài học sâu sắc (chỉ ra khoảng 03 thông điệp/ bài học): Về nhận thức, Về thái độ, Về hành động. Lưu ý: Thông điệp/bài học là lời nhắn nhủ, gửi gắm của tác giả qua văn bản vì thế không lấy nguyên văn, cũng không hoàn toàn nêu ý kiến bản thân. Ta cần rút ra điều tác giả muốn truyền tải bằng suy ngẫm của bản thân (60 - 70% là từ văn bản, 30 - 40% là diễn đạt, chiêm nghiệm của độc giả).
5	Sự phù hợp giữa nhan đề và nội dung văn bản	- Nhận xét ngắn gọn cách đặt nhan đề, khái quát vấn đề được đặt ra ở nhan đề. - Cần làm rõ luận đề là gì, luận đề đó được triển khai thành những luận điểm nào.
6	Tác dụng của việc trích dẫn thông tin/ ý kiến/số liệu	- Đọc kĩ câu hỏi, chỉ ra trích dẫn thông tin/ý kiến/số liệu (nếu đề chưa trích dẫn) rồi mới nêu tác dụng. - Nêu tác dụng cụ thể. Gợi ý: + Tăng tính sinh động, hấp dẫn, tăng tính thuyết phục. + Làm rõ vấn đề phía trước (vấn đề nêu ở câu trước hoặc đoạn trước). + Tác giả nhắn nhủ điều gì, bày tỏ tình cảm/cảm xúc gì?

*** Câu hỏi vận dụng**

STT	Lệnh hỏi	Định hướng trả lời
1	Anh/chị có đồng tình với ý kiến của tác giả?	- Bày tỏ quan điểm của bản thân: có đồng tình, không đồng tình hay đồng tình một phần. - Nêu 03 lí lẽ để làm rõ quan điểm của kiến của bản thân (thường dựa vào dấu hiệu nhấn trọng tâm của vấn đề để đưa ra lí lẽ, như vậy sẽ thuyết phục hơn). - Khẳng định quan điểm + Phản biện (nếu có thể) Cấu trúc trả lời: Tôi đồng ý/không đồng ý/đồng ý một phần với ý kiến trên. Bởi,... Mặt khác,... Bên cạnh đó,... Tuy nhiên,...
2	Nêu trách nhiệm của bản thân về vấn đề đặt ra trong	- Nêu trách nhiệm về nhận thức. Gợi ý: + Em hiểu được điều gì từ vấn đề bàn luận? + Nhận ra vấn đề gì có ý nghĩa với bản thân? <i>Ví dụ:</i> Em hiểu rằng thế hệ trẻ cần nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trong việc xây dựng, giữ gìn và phát huy đất nước.

	văn bản	- Nêu trách nhiệm về thái độ. Gợi ý: Ta cần có thái độ như thế nào? <i>Ví dụ:</i> trân trọng, tự hào, biết ơn, quý mến, bất bình, lên án, phản đối,... - Nêu trách nhiệm về hành động. Gợi ý: + Ta cần có hành động cụ thể như thế nào? + Ta phải làm gì? <i>Ví dụ:</i> trau dồi kiến thức, tu dưỡng phẩm chất,...
--	----------------	--

II. Phần viết

1. Viết bài văn nghị luận về vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học

a) Bước 1: Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề, để biết các thông tin trước khi viết:
- + Yêu cầu của kiểu bài
- + Vấn đề cần nghị luận
- Tìm hiểu các tư liệu liên quan đến đề tài đã xác định được (các bài viết, câu chuyện, tranh, ảnh,...).

b) Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

* **Tìm ý:** Người viết đặt ra các câu hỏi và tìm cách trả lời.

* Lập dàn ý

+ **Mở bài:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận

+ **Thân bài:**

- ++ Giải thích vấn đề
- ++ Phân tích và chứng minh biểu hiện của vấn đề
 - Luận điểm 1: Phân tích vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học
 - Luận điểm 2: Bàn luận về vấn đề trong đời sống xã hội
 - Luận điểm 3: bài học nhận thức và hành động.

+ **Kết bài:**

Khẳng định lại vấn đề

c) Bước 3: Viết

Trong khi viết cần chú ý:

- Xác định được các ý chính của bài viết
- Sắp xếp được các ý chính hợp lí theo bố cục của bài văn nghị luận.
- Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân.
- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.
- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.

d) Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở mỗi bước, để:

- + Kiểm tra về nội dung và hình thức của bài viết
- + Nhận biết các lỗi còn mắc phải và chỉnh sửa.
- + Tự đánh giá kết quả bài viết.

2. Viết bài văn thuyết minh tổng hợp

a) Bước 1: Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề, để biết các thông tin trước khi viết:
- + Yêu cầu của kiểu bài
- + Vấn đề cần thuyết minh
- Tìm hiểu các tư liệu liên quan đến đề tài đã xác định được (các bài viết, câu chuyện, tranh, ảnh,...).

b) Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

* **Tìm ý:** Người viết đặt ra các câu hỏi và tìm cách trả lời.

* **Lập dàn ý**

- **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề/đối tượng/quy trình thuyết minh
- **Thân bài:**
- + Nêu/miêu tả/giới thiệu bao quát vấn đề/ đối tượng/ quy trình cần thuyết minh.
- + Phân tích làm rõ từng phương diện của vấn đề/đối tượng/quy trình cần thuyết minh.
- + Giới thiệu một vài điểm đặc sắc của vấn đề/đối tượng/quy trình thuyết minh.
- + Nêu nguồn gốc, vai trò, ý nghĩa của vấn đề/đối tượng/quy trình thuyết minh.

- **Kết bài:**

Khẳng định giá trị của vấn đề/đối tượng/quy trình thuyết minh.

c) Bước 3: Viết

Trong khi viết cần chú ý:

- Xác định được các ý chính của bài viết
- Sắp xếp được các ý chính hợp lí theo bố cục của bài văn thuyết minh.
- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề thuyết minh.
- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần thuyết minh, có cách diễn đạt mới mẻ.

d) Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở mỗi bước, để:

- + Kiểm tra về nội dung và hình thức của bài viết
- + Nhận biết các lỗi còn mắc phải và chỉnh sửa.
- + Tự đánh giá kết quả bài viết.

C. VẬN DỤNG**ĐỀ 1****I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc đoạn trích:

(Lược phần đầu: *Truyện kể về người đàn ông (ông) có người em trai tên Hậu đang sống ở thành phố, thi thoảng về quê thăm anh. Mỗi lần nghe tin Hậu về ông lại nôn nao, trông ngóng. Có lần Hậu khuyên ông bán hết đất đai vườn tược lên thành phố ở. Biết em thương mình nên ông chỉ âm ỉ qua loa).*

Hôm bữa, cả xóm hè nhau bán đất. Dải đất đột nhiên đất đỏ sau khi con đường huyện trải về bằng ngang qua. Không yên bình nữa, tấp nập người xem kẻ đến. Những cọc tiền dày cộm lóa mắt trên những đôi tay chai sần đóng phèn lâu năm khô khốc. Chẳng còn hàng xóm nữa, họ dọn đi ngay sau khi xong hết thủ tục bán đất. Tôi thẳng bạn nhậu của ông, bình thường như ông một khuôn, tôi gặp ông trong bộ dạng quân tây áo sơ mi rộng quá khổ, nói chuyện bạc triệu, bạc tỉ rồi chia tay. Nó sẽ dọn đến cái nơi có nhiều ánh sáng, nhiều tương lai hơn. Đêm đó ông hút hết cả bịch thuốc rê mà vẫn thấy buồn. Thằng Hậu cũng khuyên ông thôi thì cả đời vất vả, anh hai xem nếu được giá thì bán, về phố ở anh em hủ hủ có nhau. Ông giận nó, đánh đổ ly nước. Đất ông bà tổ tiên...

Ông vẫn cắm mặt vào đất, những cục đất già nua khô khốc bạc màu. Người cũng lạnh như cục đất. Anh em mà ai nỡ giận nhau lâu. Thằng Hậu biết không khuyên được ông, nó chủ động tìm hiểu tin tức nông nghiệp, đăng ký cho ông tham gia mấy khóa hội thảo nhà nông. Ông bắt chước thằng Hậu, bắt đầu nghe ngóng. Thằng Hậu mua cho ông cái ti vi để ông xem chương trình bạn của nhà nông. (...)

[...] Năm nay hạn nặng quá, nghe nói những vườn nhãn già của người ta chết khô cả lá. Ông xem trên ti vi thấy rất nhiều nơi hạn mặn khốc liệt, người dân điêu đứng, tổn thất nặng nề. Vườn của ông cũng vậy. Mấy trăm gốc cam đậu sai trái nằm vàng úa khô rang. Mương lạch khô trơ cả đáy. Ông đứng đó nhìn bóng nắng dần tắt phía chân trời, cái áo ông đang mặc cũ nát lắm rồi, dải nắng dầm sương. Ông bệnh nặng cả tháng trời, thằng Hậu lo sốt vó đánh xe về chở ông đến tận bệnh viện thành phố. Trong cơn sốt mê man, ông nhớ mùa lúa chín thuở xa xưa nào, mọi người thay phiên nhau cắt lúa. Ông và thằng Hậu mỗi buổi chiều đều ra cánh đồng trơ gốc rạ mót những bông lúa còn sót lại về cho gà vịt. Mùi thơm của lúa lúc nào cũng quện chặt vào người nông đơm, thơm thơm...

Ông khỏi bệnh, thằng Hậu cũng tránh không nhắc đến những điều không vui cũ. Còn người còn sức. Nó cũng chỉ nói với ông thời tiết bây giờ khắc nghiệt hơn xưa, thị trường cũng xoay chóng mặt, nên không thể làm theo cảm tính, phong trào. (...)

Nó nói "Anh hai ráng trồng bưởi dừa thiệt nhiều trái cho em về hái ăn ghen". Ông quán điếu thuốc rê vừa hút vừa nghe nó nói. Cuộc sống mà, ông không thể dừng lại, con sông ngoài kia già, già lắm, cũng cứ chảy mãi không ngừng, cứ bồi đắp phù sa mãi mãi. Mình cũng vậy thôi. Trong đêm tối trời, ánh trăng mờ mờ như sương, ông nhìn thằng Hậu, thấy tóc nó cũng bắt đầu lốm đốm bạc. Ông nhìn ra phía khu vườn với những chồi non vừa hé. Đứng, phải bắt đầu lại, phải hi vọng. Ông tự nhiên muốn khóc. Đời người chảy xuôi như con sông, khi trong khi đục, khi giận dữ, khi hiền khô. Con sông chảy miết về đâu không biết, nhưng đến cuối cùng vẫn chảy trong lòng đất mẹ mà thôi. Thằng Hậu cũng vậy, nó không ở lại quê, nhưng nó vẫn là đứa được sinh ra từ mảnh đất xa xôi hẻo lánh này. Nó chưa bao giờ quên nguồn cội.

(Trích *Nắng ở cuối cùng sông* – Hoàng Anh Linh *<https://danviet.vn/truyen-du-thi-nang-o-cuoi-cung-song-20210226181520383.htm>), 25/11/2025)

Trả lời các câu hỏi bên dưới:

Câu 1. (0,75 điểm) Đoạn trích được kể theo ngôi kể nào?

Câu 2. (0,75 điểm) Chủ đề chính trong đoạn trích trên là gì?

Câu 3. (1,5 điểm) Theo anh/chị, việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu: “*Đời người chảy xuôi như con sông, khi trong khi đục, khi giận dữ, khi hiền khô.*” có tác dụng gì?

Câu 4. (1,5 điểm) Anh/Chị hiểu như thế nào về câu: “*Cuộc sống mà, ông không thể dừng lại, con sông ngoài kia già, già lắm, cũng cứ chảy mãi không ngừng, cứ bồi đắp phù sa mãi mãi. Mình cũng vậy thôi.*”?

Câu 5. (1,5 điểm) Theo anh/chị, đề tình cảm giữa các thành viên trong gia đình được gắn kết thì mỗi người cần làm gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bàn về vai trò của quê hương đối với mọi người.

*** Cước chú:**

- Hoàng Anh Linh tên thật là Nguyễn Thị Tường Linh thuộc thế hệ nhà văn trẻ 9X, Hoàng Anh Linh bắt đầu viết truyện ngắn và gửi cho các báo từ những năm cấp ba. Đa số những truyện Anh Viết viết đều xuất phát từ những phận đời, phận người ở một vùng sông nước miền Tây, nơi bản thân sinh ra, lớn lên và chứng kiến tất cả những đổi thay từ đó.

- “*Nắng ở cuối cùng sông*” là truyện ngắn dự thi viết về chủ đề “*Làng Việt thời hội nhập*” do Báo Nông thôn ngày nay phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam, Ban Văn học nghệ thuật VOV6 - Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức từ năm 2019-2021.

-----**HẾT**-----

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng

(1) *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng bắt nguồn từ thời đại Hùng Vương dựng nước và được tổ chức hàng năm từ ngày mùng 6 đến ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch tại Khu Di tích Đền Hùng.*

(2) *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng đã trở thành lễ hội mang tính văn hóa tâm linh lớn nhất nước ta; hàng năm đến ngày Giỗ Tổ và tổ chức Lễ hội, con cháu trên mọi miền Tổ quốc hành hương về với tám lòng thành kính dâng lên tổ tiên, tỏ lòng biết ơn công lao dựng nước của các vua Hùng và các bậc tiền nhân của dân tộc. Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng đã trở thành động lực tinh thần của dân tộc Việt Nam.*

(3) *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng chủ yếu gồm hai phần: Phần Lễ và phần Hội. Phần Lễ được tiến hành với nghi thức trang nghiêm, trọng thể tại đền Thượng; Phần Hội được diễn ra với nhiều hoạt động văn hóa phong phú mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc dưới chân núi Hùng.*



Hình ảnh: Lễ hội Đền Hùng

(4) *Trong phần Lễ: Nghi thức dâng hoa của các đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ, các tỉnh thành được tổ chức long trọng trên đền Thượng. Từ chiều mùng 9, các làng rước kiệu dâng lễ bánh dày, bánh chưng đã tập trung đông đủ dưới cổng Công Quán. Sáng sớm hôm sau, các đoàn đại biểu xếp hàng chỉnh tề đi sau cỗ kiệu rước lễ vật lần lượt đi lên đền trong tiếng nhạc của phường bát âm và đội múa sinh tiền. Tới trước cửa đền Thượng (Kính thiên linh điện), đoàn đại biểu dừng lại kính cẩn dâng lễ vào Thượng cung. Đồng chí lãnh đạo tỉnh thay mặt cho nhân dân cả nước kính cẩn đọc diễn văn Lễ Tổ. Toàn bộ nội dung hành lễ được truyền tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình để đồng bào cả nước theo dõi lễ hội. Trong thời gian tiến hành nghi lễ, toàn bộ diễn trường tạm ngừng các hoạt động để đảm bảo tính linh thiêng và nghiêm trang của lễ hội.*

(5) *Phần Hội: Diễn ra tung bừng náo nhiệt xung quanh khu vực núi Hùng. Hội Đền Hùng ngày nay có thêm nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa phong phú hấp dẫn. Trong khu vực Hội, nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm, văn hóa phẩm, các quán bán hàng dịch vụ ăn uống, các trại văn hóa của 13 huyện, thành, thị, các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi thể thao,... tạo ra nhiều màu sắc sinh động, náo nhiệt cho bức tranh ngày hội. Các hoạt động văn hóa truyền thống, các trò chơi dân gian được tổ chức tại lễ hội như đấu vật, bắn nỏ, rước kiệu, hội thi gói, nấu bánh chưng, giã bánh dày, thi kéo lửa thổi cơm, trò diễn “Bách nghệ khôi hài” và Trò Trám của làng Tứ Xã, rước lúa thần,... Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp như chèo, kịch nói, hát quan họ, hát Xoan hội diễn văn nghệ quần chúng phục vụ đồng bào về dự hội. Trên khu vực Công quán luôn âm vang tiếng trống đồng, tiếng giã đuống rộn ràng của các nghệ nhân dân gian người dân tộc Mường ở Thanh Sơn ra phục vụ lễ hội.*

(6) *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng đã hình thành từ rất sớm và sự tồn tại của nó luôn gắn chặt với quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” và đạo lý “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, các Vua Hùng cùng các vợ, con, các tướng lĩnh, các nhân vật liên quan thời kỳ Vua Hùng luôn được nhân dân ở các làng, xã trên phạm vi cả nước tôn thờ.*

(7) *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng hàng năm là hành hương mang ý nghĩa tâm linh đã trở thành nếp nghĩ, nét văn hóa truyền thống không thể thiếu của người Việt; đó là truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam.*

(Trích Giới thiệu du lịch Phú Thọ – Lễ Hội - Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng
<https://dulichphutho.com.vn>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,75 điểm) Xác định đề tài của văn bản.

Câu 2. (0,75 điểm) Chỉ ra phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. (1,5 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong đoạn (5).

Câu 4. (1,5 điểm) Nhận xét về thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. (1,5 điểm) Bằng trải nghiệm của bản thân, trình bày quan điểm của anh/chị về ý kiến: *Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng đã trở thành động lực tinh thần của dân tộc Việt Nam* (trình bày 5 - 7 dòng).

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn thuyết minh tổng hợp (khoảng 400 chữ) giới thiệu về một phẩm chất tiêu biểu của người Việt Nam/một lễ hội (Bánh dân gian, đua ghe ngo,...) ở Cần Thơ.

----- **Hết** -----